Vietnam Journal of Community Medicine, Vol. 67, No. 8, 170-174

KNOWLEDGE, ATTITUDES, AND PREPARATION FOR IMPLEMENTING ELECTRONIC PRESCRIPTIONS AMONG PROFESSIONAL IN CHARGE AT RETAIL PHARMACIES IN HO CHI MINH CITY

Dinh Thi Dung[1], Nguyen Hong Chuong[2], Huynh Thi My Duyen[1], Tran Van De[1]*

[1]*Can Tho University of Medicine and Pharmacy - 179 Nguyen Van Cu, Tan An ward, Can Tho city, Vietnam*
[2]*Ho Chi Minh city Department of Health - 59-59B Nguyen Thi Minh Khai, Ben Thanh ward, Ho Chi Minh city, Vietnam*

Received: 20/05/2026
Reviced: 29/07/2026; Accepted: 21/08/2026

ABSTRACT

Objectives: To determine the proportion of pharmacy managers with adequate knowledge, attitudes, and preparedness for implementing electronic prescriptions in Cu Chi district (formerly), Ho Chi Minh city, in 2025.

Methods: A cross-sectional descriptive study with analysis was conducted among 208 pharmacy managers at retail drug outlets. Data were collected using a questionnaire and analyzed with descriptive statistics.

Results: Among 208 participants, 79.8% demonstrated good knowledge, and 76.9% had positive attitudes toward electronic prescribing. However, only 52.9% showed adequate preparedness, while 47.1% were not adequately prepared.

Conclusion: Pharmacy managers exhibited relatively good knowledge and positive attitudes; however, preparedness and implementation remain limited. Strengthening training and technical support is recommended to improve the effectiveness of electronic prescribing in retail pharmacy settings.

Keywords: Knowledge, attitude, preparation, electronic prescription.

*Corresponding author
Email: tvde@ctump.edu.vn **Phone**: (+84) 921478869 **DOI:** 10.52163/yhc.v67i8.6313

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRONG THỰC HIỆN ĐƠN THUỐC ĐIỆN TỬ CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN TẠI CÁC CƠ SỞ BÁN LẺ THUỐC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đinh Thị Dung[1], Nguyễn Hồng Chương[2], Huỳnh Thị Mỹ Duyên[1], Trần Văn Đệ[1]*

[1]Trường Đại học Y Dược Cần Thơ - 179 Nguyễn Văn Cừ, phường Tân An, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
[2]Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh - 59-59B Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài: 20/05/2026
Ngày chỉnh sửa: 29/07/2026; Ngày duyệt đăng: 21/08/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ người phụ trách chuyên môn có kiến thức, thái độ và công tác chuẩn bị đạt yêu cầu trong thực hiện đơn thuốc điện tử tại huyện Củ Chi (cũ), thành phố Hồ Chí Minh năm 2025.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên 208 người phụ trách chuyên môn tại các cơ sở bán lẻ thuốc; thu thập dữ liệu bằng bảng hỏi và phân tích thống kê mô tả.

Kết quả: Trong 208 đối tượng, 79,8% có kiến thức tốt; 76,9% có thái độ tích cực đối với đơn thuốc điện tử. Tuy nhiên, chỉ 52,9% đạt mức tốt về công tác chuẩn bị, còn 47,1% công tác chuẩn bị chưa tốt.

Kết luận: Người phụ trách chuyên môn có kiến thức và thái độ tương đối tốt, nhưng công tác chuẩn bị và triển khai còn hạn chế. Cần tăng cường đào tạo bằng nhiều hình thức và hỗ trợ kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng đơn thuốc điện tử tại cơ sở bán lẻ thuốc.

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, chuẩn bị, đơn thuốc điện tử.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kê đơn thuốc điện tử (e-prescribing) là một thành phần quan trọng của hệ thống y tế hiện đại và đã được nhiều quốc gia triển khai nhằm nâng cao chất lượng, tính an toàn và hiệu quả trong quản lý sử dụng thuốc. Thay vì sử dụng đơn thuốc giấy truyền thống, hệ thống kê đơn điện tử cho phép bác sĩ gửi đơn thuốc trực tiếp đến nhà thuốc một cách nhanh chóng và chính xác. Phương thức này giúp chuẩn hóa quy trình kê đơn, giảm sai sót do chữ viết tay khó đọc, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu trữ và truy xuất dữ liệu [1]. Các bằng chứng cho thấy kê đơn thuốc điện tử có thể làm giảm đáng kể nguy cơ sai sót thuốc (giảm 99% rủi ro tương đối) và các sự cố bất lợi liên quan đến thuốc (giảm 98% rủi ro tương đối) trong cả môi trường bệnh viện và điều trị ngoại trú [2].

Tại Việt Nam, nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư 26/2025/TT-BYT quy định về kê đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh [3]. Việc triển khai hệ thống này góp phần tăng cường tính minh bạch và kiểm soát hoạt động kê đơn thông qua xác định rõ thông tin người kê đơn, cơ sở hành nghề, thời điểm kê đơn và thẩm quyền chuyên môn. Đồng thời, hệ thống còn tích hợp kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, hỗ trợ cảnh báo đơn thuốc quá hạn, thuốc cần tái kê hoặc yêu cầu tái khám trước khi tiếp tục sử dụng. Người bệnh có thể tra cứu thông tin đơn thuốc, phản hồi hoặc đề nghị tư vấn liên quan đến việc tái kê đơn. Những cải tiến này tạo nền tảng cho việc liên thông dữ liệu giữa các cơ sở y tế, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng điều trị.

Tuy nhiên, thực trạng kê đơn thuốc tại Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Một số nghiên cứu ghi nhận tỷ lệ ghi chép chưa đầy đủ thông tin hành chính của người bệnh; chỉ 3,1% đơn thuốc ghi đầy đủ địa chỉ đến số nhà. Bên cạnh đó, 4,4% đơn thuốc không ghi rõ liều dùng và thời điểm sử dụng, 1% đơn thuốc có thông tin chưa đúng quy định về tên thuốc và 0,5% thiếu đường dùng [4]. Những sai sót này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả điều trị, gia tăng nguy cơ sử dụng thuốc không hợp lý và làm giảm chất lượng chăm sóc sức khỏe [5]. Thực trạng trên cho thấy sự cần thiết của việc tăng cường giám sát và chuẩn hóa quy trình kê đơn, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số toàn ngành y tế.

Việc triển khai hệ thống kê đơn điện tử tại các cơ sở bán lẻ thuốc có vai trò quan trọng trong bảo đảm tính an toàn, hiệu quả sử dụng thuốc, nâng cao sự hài lòng của người bệnh, đồng thời góp phần giảm tỷ lệ nhập viện liên quan đến sai sót thuốc và tối ưu hóa chi phí y tế. Tuy nhiên, các nghiên cứu đánh giá kiến thức, thái độ và mức độ sẵn sàng triển khai của người phụ trách chuyên môn tại cơ sở bán lẻ thuốc, đặc biệt tại thành phố Hồ Chí Minh, vẫn còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định tỷ lệ người phụ trách chuyên môn có kiến thức, thái độ và công tác chuẩn bị đạt yêu cầu trong thực hiện đơn thuốc điện tử tại các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2025.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là người phụ trách chuyên môn tại các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn huyện Củ Chi (cũ), thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiêu chuẩn chọn mẫu: là người phụ trách chuyên môn đang làm việc tại các cơ sở bán lẻ thuốc và đồng ý tham gia nghiên cứu.

*Tác giả liên hệ
Email: tvde@ctump.edu.vn **Điện thoại:** (+84) 921478869 **DOI:** 10.52163/yhc.v67i8.6313

- Tiêu chuẩn loại trừ: người vắng mặt tại thời điểm khảo sát sau hai lần liên hệ hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

2.2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Nghiên cứu tiến hành trên toàn bộ người quản lý chuyên môn tại các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn 7 xã, bao gồm Củ Chi, Tân An Hội, Thái Mỹ, An Nhơn Tây, Nhuận Đức, Phú Hòa Đông và Bình Mỹ (huyện Củ Chi cũ), thành Phố Hồ Chí Minh, bao gồm tất cả các đối tượng thỏa mãn tiêu chuẩn chọn mẫu và không thuộc tiêu chuẩn loại trừ trong thời gian nghiên cứu.

Áp dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ. Từ danh sách người phụ trách chuyên môn tại các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn khảo sát, tiến hành khảo sát tất cả các đối tượng đáp ứng tiêu chuẩn chọn mẫu và không thuộc tiêu chuẩn loại trừ trong thời gian từ tháng 6-10 năm 2025.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi lựa chọn được mẫu n = 208.

2.2.3. Nội dung nghiên cứu

- Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: giới tính, tuổi, tình trạng hôn nhân, trình độ chuyên môn dược và số năm làm việc trong lĩnh vực bán lẻ thuốc.

- Kiến thức về đơn thuốc điện tử: đánh giá mức độ hiểu biết của người phụ trách chuyên môn về các quy định pháp lý liên quan, mục tiêu và cấu trúc hệ thống đơn thuốc quốc gia, mã và phân loại đơn thuốc, cũng như quy trình gửi và tiếp nhận đơn thuốc điện tử tại cơ sở bán lẻ. Kiến thức được chấm điểm theo câu hỏi trắc nghiệm và phân loại thành "chưa đúng" và "đúng" (khi đạt từ 9 câu đúng trở lên trên tổng số 12 câu hỏi).

- Thái độ đối với việc triển khai đơn thuốc điện tử: đánh giá mức độ đồng thuận về lợi ích, tính an toàn, khả thi và những khó khăn khi áp dụng hệ thống thông qua 11 câu hỏi với thang đo Likert 5 điểm. Điểm thái độ được tính bằng điểm trung bình cộng các câu hỏi; người quản lý chuyên môn đạt từ điểm 3,1 điểm trở lên xem như có thái độ đúng và điểm dưới 3,1 xem như có thái độ chưa đúng.

- Thực hành trong triển khai đơn thuốc điện tử, bao gồm các nội dung liên quan đến hạ tầng kỹ thuật, kết nối và tài khoản hệ thống, đào tạo-tập huấn, tài liệu hướng dẫn và kế hoạch triển khai tại cơ sở. Mỗi câu hỏi thực hành được ghi nhận theo hình thức có/không; và phân loại điểm thực hành thành "chưa đúng" và "đúng" (đạt từ điểm 9 trở lên trên tổng số 13 câu hỏi).

- Phân tích các yếu tố liên quan giữa đặc điểm nhân khẩu-nghề nghiệp với tình trạng kiến thức, thái độ và thực hành chưa đạt yêu cầu.

2.2.4. Phân tích và xử lý thống kê

Dữ liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 22.0. Thống kê mô tả được thực hiện để trình bày đặc điểm của đối tượng nghiên cứu và các biến khảo sát.

2.3. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Y Dược Cần Thơ chấp thuận theo Quyết định số 25.038.HV/PCT-H ĐĐĐ ngày 30/6/2025; và được sự đồng ý của cơ quan quản lý liên quan. Đối tượng tham gia hoàn toàn tự nguyện, có quyền từ chối hoặc rút lui bất kỳ thời điểm nào mà không ảnh hưởng đến quyền lợi nghề nghiệp. Thông tin thu thập được mã hóa, bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm của người phụ trách chuyên môn (n = 208)

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nữ	158	76,0
	Nam	50	24,0
Tình trạng hôn nhân	Độc thân, ly hôn	44	21,2
	Đã kết hôn	164	78,8
Trình độ chuyên môn dược	Đại học	180	86,5
	Sau đại học	28	13,5
Nhóm tuổi	< 30 tuổi	20	9,6
	30-40 tuổi	125	60,1
	> 40 tuổi	63	30,3
Số năm làm việc trong lĩnh vực bán lẻ thuốc	< 3 năm	12	5,8
	3-5 năm	64	30,8
	> 5 năm	132	63,5

Người phụ trách chuyên môn là nữ chiếm chủ yếu với 76%. Đa số người tham gia đã kết hôn (78,8%), có trình độ đại học và sau đại học (100%), độ tuổi từ 30-40 (60,1%), có thời gian làm việc trên 5 năm (63,5%).

Bảng 2. Kiến thức của người phụ trách chuyên môn về đơn thuốc điện tử (n = 208)

STT	Nội dung	Trả lời đúng	Trả lời sai
1	Ngày hiệu lực của Thông tư 27/2021/BYT	186 (89,42%)	22 (10,58%)
2	Ngày hiệu lực của Thông tư 04/2022/BYT	186 (89,42%)	22 (10,58%)
3	Hạn thực hiện bán thuốc theo đơn của Thông tư 04/2022/BYT	153 (73,56%)	55 (26,44%)
4	Hạn kê đơn điện tử bệnh viện hạng III trở lên	163 (78,37%)	45 (21,63%)
5	Mục tiêu hệ thống đơn thuốc quốc gia	200 (96,15%)	8 (3,85%)
6	Số ký tự mã đơn thuốc quốc gia	26 (12,5%)	182 (87,5%)
7	Ý nghĩa ký tự cuối mã đơn thuốc	183 (87,98%)	25 (12,02%)
8	Hình thức gửi đơn thuốc điện tử	184 (88,46%)	24 (11,54%)
9	Thời điểm gửi đơn thuốc ngoại trú	170 (81,73%)	38 (18,27%)
10	Ý nghĩa đơn thuốc loại N	206 (99,04%)	2 (0,96%)
11	Ý nghĩa đơn thuốc loại H	201 (96,63%)	7 (3,37%)
12	Ý nghĩa đơn thuốc loại C	153 (73,56%)	55 (26,44%)

Tỷ lệ trả lời đúng các câu hỏi dao động từ 12,5-99,04%, với tỷ lệ kiến thức chung đúng là 79,8%. Những câu hỏi có tỷ lệ trả lời đúng cao bao gồm: ý nghĩa đơn thuốc loại N (99,04%), mục tiêu hệ thống đơn thuốc quốc gia (96,15%), ý nghĩa đơn thuốc loại H (96,63%), và hình thức gửi đơn thuốc điện tử (88,46%). Trong khi đó, số ký tự mã đơn thuốc quốc gia là nội dung có tỷ lệ trả lời đúng thấp nhất (12,5%).

Bảng 3. Thái độ của người phụ trách chuyên môn về đơn thuốc điện tử

STT	Nội dung	$\bar{X}$ ± SD (điểm)
1	Mong muốn triển khai hệ thống đơn thuốc điện tử tại cơ sở bán lẻ thuốc	3,55 ± 1,02
2	Áp dụng hệ thống đơn thuốc điện tử giúp tăng an toàn cho bệnh nhân	3,94 ± 1,01
3	Áp dụng hệ thống đơn thuốc điện tử giúp tiết kiệm thời gian và công sức	3,88 ± 1,08
4	Áp dụng hệ thống đơn thuốc điện tử giúp cải thiện sự hài lòng của bệnh nhân	3,9 ± 1,05
5	Áp dụng hệ thống đơn thuốc điện tử giúp bán thuốc theo đơn đúng quy định và hạn chế sử dụng thuốc không hợp lý	4,05 ± 1,01
6	Đào tạo về hệ thống đơn thuốc điện tử là cần thiết	4,01 ± 0,99
7	Sẵn sàng dành thời gian đào tạo về hệ thống đơn thuốc điện tử cho đồng nghiệp và nhân viên	3,96 ± 0,99
8	Áp dụng hệ thống đơn thuốc điện tử giúp giảm sai sót trong kê đơn thuốc	4,04 ± 0,99
9	Áp dụng hệ thống đơn thuốc điện tử giúp hạn chế lạm dụng đơn thuốc	4,04 ± 0,99
10	Áp dụng hệ thống đơn thuốc điện tử gây nhiều khó khăn hơn so với đơn thuốc truyền thống	3,17 ± 1,11
11	Áp dụng hệ thống đơn thuốc điện tử không hiệu quả tại cơ sở bán lẻ do người dân chưa hiểu rõ về hệ thống	3,38 ± 1,17

Người phụ trách chuyên môn tại các cơ sở bán lẻ thuốc nhìn chung có thái độ tích cực đối với hệ thống đơn thuốc điện tử, với điểm trung bình của các nội dung dao động từ 3,17-4,05 điểm. Các nội dung được đánh giá cao nhất gồm việc áp dụng hệ thống đơn thuốc điện tử giúp bán thuốc theo đơn đúng quy định và hạn chế sử dụng thuốc không hợp lý (4,05 ± 1,01 điểm), giúp giảm sai sót trong kê đơn thuốc (4,04 ± 0,99 điểm) và giúp hạn chế lạm dụng đơn thuốc (4,04 ± 0,99 điểm). Mức độ đồng ý thấp hơn được ghi nhận đối với mong muốn triển khai hệ thống đơn thuốc điện tử tại cơ sở bán lẻ thuốc (3,55 ± 1,02 điểm). Bên cạnh đó, một số người tham gia cho rằng việc áp dụng hệ thống đơn thuốc điện tử có thể gây nhiều khó khăn hơn so với đơn thuốc truyền thống (3,17 ± 1,11 điểm) và có thể chưa đạt hiệu quả cao tại cơ sở bán lẻ do người dân chưa hiểu rõ về hệ thống (3,38 ± 1,17 điểm).

Bảng 4. Thực hành của người phụ trách chuyên môn trong thực hiện đơn thuốc điện tử (n = 208)

STT	Nội dung	Có thực hiện	Không thực hiện
1	Đã cài đặt phần mềm liên thông với hệ thống đơn thuốc quốc gia còn thời hạn	176 (84,62%)	32 (15,38%)
2	Đã có tài khoản truy cập hệ thống đơn thuốc quốc gia	148 (71,15%)	60 (28,85%)
3	Có chứng nhận công nghệ thông tin cơ bản	144 (69,23%)	64 (30,77%)
4	Đã trang bị máy tính và máy in tại cơ sở bán lẻ thuốc	201 (96,63%)	7 (3,37%)
5	Đã kiểm tra kết nối internet và tốc độ kết nối ổn định	198 (95,19%)	10 (4,81%)
6	Đã kiểm tra khả năng tương thích phần cứng và phần mềm với hệ thống đơn thuốc quốc gia	159 (76,44%)	49 (23,56%)
7	Đã tham gia tập huấn hoặc được đào tạo về đơn thuốc điện tử	96 (46,15%)	112 (53,85%)
8	Đã kiểm tra phần mềm quản lý có chức năng bán thuốc theo đơn điện tử	131 (62,98%)	77 (37,02%)
9	Có biện pháp dự phòng để truy cập hệ thống đơn thuốc quốc gia khi mất điện	83 (40,1%)	124 (59,9%)
10	Đã từng truy cập hoặc làm việc với hệ thống đơn thuốc điện tử	75 (36,06%)	133 (63,94%)
11	Đã trang bị tài liệu quy định về đơn thuốc điện tử	133 (63,94%)	75 (36,06%)
12	Đã lập kế hoạch đào tạo nhân viên sử dụng hệ thống đơn thuốc điện tử	134 (64,42%)	74 (35,58%)
13	Đã được đơn vị cung cấp phần mềm hướng dẫn chức năng bán thuốc theo mã đơn	145 (69,71%)	63 (30,29%)

Kết quả cho thấy phần lớn người phụ trách chuyên môn tại các cơ sở bán lẻ thuốc đã thực hiện nhiều nội dung liên quan đến triển khai hệ thống đơn thuốc điện tử, tuy nhiên mức độ thực hành chưa đồng đều giữa các nội dung. Các nội dung có tỷ lệ thực hiện cao gồm trang bị máy tính và máy in tại cơ sở bán lẻ thuốc (96,63%) và kiểm tra kết nối internet, tốc độ kết nối ổn định (95,19%). Các nội dung có tỷ lệ thực hiện thấp hơn gồm tham gia tập huấn hoặc đào tạo về đơn thuốc điện tử (46,15%), có biện pháp dự phòng truy cập hệ thống khi mất điện (40,1%), và đã từng truy cập hoặc làm việc với hệ thống đơn thuốc điện tử (36,06%).

Bảng 5. Đánh giá chung kiến thức, thái độ, thực hành của người phụ trách chuyên môn trong thực hiện đơn thuốc điện tử (n = 208)

Đánh giá chung		Tần số	Tỷ lệ (%)
Kiến thức	Chưa đúng	42	20,2
	Đúng	166	79,8
Thái độ	Chưa đúng	48	23,1
	Đúng	160	76,9
Thực hành	Chưa đúng	98	47,1
	Đúng	110	52,9

Kết quả đánh giá chung cho thấy đa số người phụ trách chuyên môn có kiến thức và thái độ đúng về đơn thuốc điện tử, trong khi thực hành đúng còn ở mức trung bình. Cụ thể, 79,8% người tham gia có kiến thức đúng, trong khi 20,2% có kiến thức chưa đúng. Đối với thái độ, tỷ lệ có thái độ đúng đạt 76,9%, còn 23,1% có thái độ chưa đúng. Tuy nhiên, đối với thực hành, tỷ lệ thực hành đúng chỉ đạt 52,9%, thấp hơn đáng kể so với kiến thức và thái độ, trong khi 47,1% có thực hành chưa đúng.

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận 79,8% người tham gia có kiến thức đúng về đơn thuốc điện tử, cao hơn so với nghiên cứu của Hira J và cộng sự (2025) [6], trong đó 69,2% dược sĩ có kiến thức tốt, 24,6% mức trung bình và 6,1% mức thấp (điểm trung bình 4,4). Tương tự, kết quả này cũng cao hơn nghiên cứu của Shaikh R.P và cộng sự (2025) [1], khi chỉ có 46,8% người tham gia đạt mức kiến thức trung bình, với điểm trung bình 66,6 ± 15,9. Sự khác biệt này có thể phản ánh bối cảnh triển khai đơn thuốc điện tử tại Việt Nam đang được thúc đẩy mạnh mẽ trong những năm gần đây, cùng với sự gia tăng tiếp cận công nghệ số trong lĩnh vực y tế. Ngoài ra, chương trình đào tạo dược có thể đã được cập nhật theo hướng tích hợp nội dung về y tế số, góp phần nâng cao năng lực nhận thức và sử dụng hệ thống của dược sĩ [7]. Một yếu tố quan trọng khác là kinh nghiệm thực hành; những người đã từng tiếp xúc hoặc làm việc với hệ thống kê đơn điện tử có xu hướng đạt điểm kiến thức cao hơn, cho thấy vai trò của học tập dựa trên trải nghiệm trong nâng cao năng lực chuyên môn [1].

Một điểm đáng chú ý là mức độ triển khai các điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ sở bán lẻ thuốc tương đối cao. Tỷ lệ trang bị máy tính, máy in (96,63%) và đảm bảo kết nối internet ổn định (95,19%) cho thấy các cơ sở đã sẵn sàng về mặt kỹ thuật để tham gia hệ thống đơn thuốc điện tử. Điều này phù hợp với yêu cầu của Thông tư 26/2025/TT-BYT về tiêu chuẩn hạ tầng và kết nối liên thông với hệ thống đơn thuốc quốc gia. Tuy nhiên, việc có đủ hạ tầng chưa đồng nghĩa với việc sử dụng hiệu quả. Một số nghiên cứu trước đây cho thấy các rào cản như kỹ năng công nghệ chưa đồng đều, thói quen sử dụng đơn thuốc giấy, và lo ngại về thời gian thao tác có thể ảnh hưởng đến mức độ chấp nhận và sử dụng thực tế của dược sĩ. Do đó, cần có các giải pháp đồng bộ không chỉ về trang thiết bị mà còn về đào tạo và thay đổi hành vi nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cho thấy dược sĩ có thái độ tích cực đối với đơn thuốc điện tử, đặc biệt ở các khía cạnh liên quan đến an toàn và tuân thủ trong sử dụng thuốc. Việc áp dụng hệ thống giúp bán thuốc theo đơn đúng quy định và hạn chế sử dụng thuốc không hợp lý (4,05 ± 1,01 điểm), đồng thời giảm sai sót trong kê đơn (4,04 ± 0,99 điểm). Điều này phù hợp với nghiên cứu của Alsahali S và cộng sự (2023) [8], khi dược sĩ nhận thức rõ lợi ích của đơn thuốc điện tử trong việc giảm sai sót do chữ viết tay khó đọc, tránh nhầm lẫn thuốc và cải thiện chất lượng chăm sóc. Từ góc độ hệ thống, đơn thuốc điện tử còn góp phần chuẩn hóa quy trình kê đơn, tăng tính minh bạch và hỗ trợ giám sát sử dụng thuốc, đặc biệt trong bối cảnh kiểm soát kháng sinh và thuốc kê đơn ngày càng được quan tâm.

Ngoài ra, cần xem xét yếu tố môi trường làm việc và chính sách hỗ trợ. Việc triển khai đơn thuốc điện tử đòi hỏi sự phối hợp giữa nhiều bên liên quan, bao gồm cơ sở khám chữa bệnh, nhà thuốc và cơ quan quản lý. Nếu hệ thống liên thông chưa thực sự ổn định hoặc quy trình chưa rõ ràng, có thể làm giảm động lực tham gia của dược sĩ. Bên cạnh đó, các chính sách khuyến khích, giám sát và chế tài cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tuân thủ và duy trì hệ thống hoạt động hiệu quả. Việc tích hợp đơn thuốc điện tử với các hệ thống khác như hồ sơ sức khỏe điện tử hoặc bảo hiểm y tế điện tử cũng là hướng đi cần thiết nhằm tối ưu hóa lợi ích của chuyển đổi số trong y tế.

Từ góc độ thực tiễn, kết quả nghiên cứu gợi ý rằng việc tăng cường đào tạo liên tục cho dược sĩ về sử dụng hệ thống đơn thuốc điện tử là cần thiết, đặc biệt đối với nhóm có ít kinh nghiệm công nghệ. Các chương trình đào tạo nên kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, đồng thời cập nhật thường xuyên theo sự thay đổi của hệ thống. Bên cạnh đó, cần xây dựng các tài liệu hướng dẫn chuẩn hóa và hỗ trợ kỹ thuật kịp thời nhằm giúp dược sĩ giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng.

Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng có một số hạn chế cần được xem xét. Thứ nhất, thiết kế cắt ngang chỉ phản ánh tình trạng tại một thời điểm, chưa đánh giá được sự thay đổi theo thời gian hoặc mối quan hệ nhân quả. Thứ hai, dữ liệu được thu thập dựa trên tự báo cáo nên có thể chịu ảnh hưởng của sai số thông tin hoặc thiên lệch xã hội. Thứ ba, nghiên cứu chưa phân tích sâu các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ và thực hành, như mức độ hỗ trợ từ cơ quan quản lý hay đặc điểm của từng cơ sở bán lẻ thuốc. Do đó, các nghiên cứu trong tương lai nên sử dụng thiết kế dọc hoặc phương pháp hỗn hợp để đánh giá toàn diện hơn hiệu quả triển khai đơn thuốc điện tử.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy dược sĩ có mức độ kiến thức tốt và thái độ tích cực đối với đơn thuốc điện tử, đồng thời nhận thức rõ vai trò của hệ thống trong việc giảm sai sót kê đơn và nâng cao tuân thủ sử dụng thuốc hợp lý. Bên cạnh đó, hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ sở bán lẻ thuốc tương đối sẵn sàng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai. Tuy nhiên, để tối ưu hiệu quả ứng dụng trong thực tế, cần tiếp tục tăng cường đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho dược sĩ. Kết quả nghiên cứu cung cấp bằng chứng khoa học quan trọng, góp phần hỗ trợ triển khai và hoàn thiện hệ thống đơn thuốc điện tử tại Việt Nam.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Shaikh R.P, Barnard-Ashton P, Bayever D.N et al. Script Shift: South African pharmacists' knowledge and perspectives of e-prescribing. Health Policy and Planning, 2025, 40 (10): 1069-1089. doi: 10.1093/heapol/czaf062.

[2] Cassidy C.E, Boulos L, McConnell E et al. E-prescribing and medication safety in community settings: a rapid scoping review. Exploratory Research in Clinical and Social Pharmacy, 2023, 12: 100365. doi: 10.1016/j.rcsop.2023.100365.

[3] Bộ Y tế. Thông tư số 26/2025/TT-BYT, ngày 30 tháng 6 năm 2025, Quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[4] Bùi Trí Hiếu, Lâm Quang Đức, Đặng Tiến Dũng và cộng sự. Nghiên cứu tình hình kê đơn thuốc ngoại trú tại các cơ sở y tế công lập thuộc huyện Kiên Lương năm 2022. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, 2023, 65: 72-79. doi: 10.58490/ctump.2023i65.997

[5] Trần Thị Lan Chi, Nguyễn Bá Phát và cộng sự. Khảo sát một số chỉ số kê đơn thuốc ngoại trú tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên năm 2022. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, 2024, 78: 60-66. doi: 10.58490/ctump.2024i78.3099

[6] Hira J, Leena A, Masood Ahmed K et al. Knowledge, Attitude and Practices of Pharmacists towards the Use and Integration of E-Prescription Systems in Pakistan. Indus Journal of Social Sciences, 2025, 3 (3): 134-150. doi: 10.59075/ijss.v3i3.1878

[7] Tobaiqy M, Ainousah B.E, Alorfi N.M et al. A study to assess prescription transfer and medicines collection through a new electronic prescription service: a cross-sectional survey. International Journal of General Medicine, 2023, 16: 3689-3699. doi: 10.2147/ijgm.S432075.

[8] Alsahali S, Almutairi G, Aedh R et al. Perceptions of community pharmacists toward the National E-Prescribing Service (Wasfaty) and exploring the benefits and challenges of the service: a descriptive study from Qassim region, Saudi Arabia. Pharmacy (Basel, Switzerland), 2023, 11 (5): 152. doi: 10.3390/pharmacy11050152.